

BẢNG CHỈ DẪN AN TOÀN HÓA CHẤT

Theo Quy định (EC) số 1907/2006 (REACH), Phụ lục II

PHẦN 1: NHẬN BIẾT HÓA CHẤT/HỖN HỢP VÀ THÔNG TIN CÔNG TY/CÔNG VIỆC

1.1 Nhận biết sản phẩm	
Tên thương mại	Multichem hsTn
Số tham chiếu	04W26-10
1.2 Các trường hợp thích hợp được dùng hóa chất hoặc hỗn hợp và các trường hợp chống chỉ định	
(Các) trường hợp được dùng	Thuốc thử chẩn đoán trong ống nghiệm. Chỉ sử dụng cho mục đích chuyên môn.
1.3 Thông tin chi tiết nhà cung cấp bảng chỉ dẫn an toàn hóa chất	
Thông tin công ty	Abbott GmbH & Co.KG Max-Planck-Ring 2 6205 Wiesbaden Đức
Điện thoại	(+49)-6122-58-0
E-Mail (người có thẩm quyền)	qcsupport@technopathcd.com
1.4 Số điện thoại trong trường hợp khẩn cấp	
Số điện thoại trong trường hợp khẩn cấp	+353 (0) 61 525700

PHẦN 2: NHẬN BIẾT CÁC NGUY HẠI

2.1 Phân loại hóa chất hoặc hỗn hợp	
Quy định (EC) số 1272/2008 (CLP)	Không được phân loại là nguy hiểm khi cung cấp/sử dụng. Không được phân loại là nguy hiểm khi cung cấp/sử dụng.
2.2 Thành phần nhãn	Không yêu cầu các biện pháp.
2.3 Nguy hại khác	Chứa các vật liệu có nguồn gốc từ người.

PHẦN 3: HỢP PHẦN/THÔNG TIN VỀ CÁC THÀNH PHẦN

3.2 Hỗn hợp	
Mô tả:	Thuốc thử chẩn đoán trong ống nghiệm. Dung dịch chứa nước. Huyết thanh người ổn định với mức điều chỉnh các chất phân tích được xác định.
Các thành phần nguy hiểm:	Sản phẩm không chứa khối lượng các thành phần nguy hiểm phải thông báo.
3.3 Thông tin bổ sung	Mỗi đơn vị hiến tặng được sử dụng để pha chế vật liệu này đã được Cục Quản lý Thực phẩm và Dược phẩm (Food and Drug Administration, FDA) Hoa Kỳ phê duyệt các phương pháp và được xác định là âm tính đối với các kháng thể HIV và HCV và không phản ứng với HBsAg.

PHẦN 4: BIỆN PHÁP SƠ CỨU



BẢNG CHỈ DẪN AN TOÀN HÓA CHẤT

Theo Quy định (EC) số 1907/2006 (REACH), Phụ lục II

4.1 Mô tả các biện pháp sơ cứu

Hít phải	Cung cấp không khí trong lành; tham vấn bác sĩ nếu cảm thấy không khỏe.
Tiếp xúc với da	Rửa sạch da bằng xà phòng và nước. Cởi bỏ quần áo dính bẩn.
Tiếp xúc với mắt	Rửa cẩn thận bằng nước trong vài phút. Tham vấn bác sĩ nếu cảm thấy không khỏe.
Nuốt phải	Súc sạch miệng bằng nước. Tham vấn bác sĩ nếu cảm thấy không khỏe.

4.2 Triệu chứng và ảnh hưởng quan trọng nhất, cấp tính và chậm biểu hiện

Không có.

4.3 Dấu hiệu cần chăm sóc y tế ngay và điều trị đặc biệt

Không có.

PHẦN 5: BIỆN PHÁP CHỮA CHÁY

5.1 Phương tiện chữa cháy

Phương tiện chữa cháy phù hợp CO₂, bột hoặc bụi nước. Dập tắt đám cháy lớn hơn bằng bụi nước hoặc bột chống cồn.

5.2 Các nguy hại đặc biệt bắt nguồn từ hóa chất hoặc hỗn hợp

Trong trường hợp xảy ra cháy, các chất sau có thể được giải phóng: Cacbon ôxit (CO_x), nitơ ôxit (NO_x).

5.3 Chỉ dẫn cho lính cứu hỏa

Sử dụng các biện pháp chữa cháy phù hợp với điều kiện môi trường xung quanh.
Mặc quần áo bảo hộ đầy đủ và đeo thiết bị thở độc lập (SCBA) khi chữa cháy.

PHẦN 6: XỬ LÝ HÓA CHẤT XẢ RA BẤT NGỜ

6.1 Các biện pháp phòng ngừa cá nhân, thiết bị bảo hộ và quy trình ứng phó khẩn cấp

Cách ly hóa chất đổ tràn và vệ sinh ngay.
Tham khảo Phần 8 về các biện pháp bảo vệ khi xử lý hóa chất đổ tràn.

6.2 Các biện pháp phòng ngừa về môi trường

Không xả thải hóa chất vào hệ thống cống, thoát nước hoặc dòng nước.

6.3 Các phương pháp và vật liệu dùng để ngăn chặn và vệ sinh

Thấm hút bằng vật liệu giữ chất lỏng (khăn giấy, cát, đất tảo cát, vữa axit, vữa thường, mùn cưa). Tiêu hủy vật liệu bị nhiễm bẩn như chất thải theo Phần 13. Làm sạch khu vực bằng Chlorox hoặc chất khử trùng khác.

6.4 Tham khảo các phần khác

8, 13

PHẦN 7: XỬ LÝ VÀ BẢO QUẢN

7.1 Các biện pháp phòng ngừa để xử lý an toàn


Phải xử lý sản phẩm này như một vật liệu truyền nhiễm tiềm ẩn, vì không có phương pháp thử nghiệm nào được biết đến có thể đảm bảo hoàn toàn rằng các sản phẩm từ vật liệu có nguồn gốc từ người sẽ không truyền các tác nhân lây nhiễm.
Tham khảo Chỉ thị 2000/54/EC để biết thông tin về xử lý vật liệu nguy hiểm sinh học.
Tránh tiếp xúc với mắt, da và màng nhầy.
Đề xa tầm với của trẻ em.
Rửa sạch tay trước khi nghỉ giải lao và sau giờ làm việc.
Làm sạch khu vực làm việc bằng hypochlorite hoặc chất khử trùng khác.

BẢNG CHỈ DẪN AN TOÀN HÓA CHẤT

Theo Quy định (EC) số 1907/2006 (REACH), Phụ lục II

- | | | |
|-----|--|---------------------------------|
| 7.2 | Các điều kiện bảo quản an toàn, bao gồm cả các điều kiện không tương thích | Bảo quản đông lạnh. |
| 7.3 | (Các) ứng dụng cụ thể | Sử dụng theo hướng dẫn sử dụng. |

PHẦN 8: CÁC BIỆN PHÁP HẠN CHẾ TIẾP XÚC/BẢO VỆ CÁ NHÂN

- | | | |
|-------|---|--|
| 8.1 | Các thông số kiểm soát | |
| 8.1.1 | Giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp | Sản phẩm không chứa khối lượng hóa chất liên quan có giá trị tới hạn cần phải theo dõi tại nơi làm việc. |
| 8.2 | Các biện pháp hạn chế tiếp xúc | |
| 8.2.1 | Kiểm soát kỹ thuật phù hợp | Không thích hợp với hóa chất này. |
| 8.2.2 | Thiết bị bảo vệ cá nhân | |
| | Bảo vệ mắt/mặt | Kính bảo hộ được khuyến nghị (EN 166). |
| | Bảo vệ tay | Găng tay dùng một lần (EN 374). |
| |  <p>Vật liệu găng tay:
Thời gian thẩm thấu của vật liệu găng tay:</p> <p>Bảo vệ cơ thể
Bảo vệ hô hấp</p> | <p>Latex / cao su thiên nhiên, Cao su nitrile.
Độ bền của găng tay không quan trọng khi sản phẩm được xử lý theo hướng dẫn sử dụng.
Áo khoác phòng thí nghiệm.
Thông thường không cần thiết.</p> |
| 8.2.3 | Các biện pháp hạn chế tiếp xúc môi trường | Không cần các biện pháp đặc biệt. |

PHẦN 9: CÁC ĐẶC TÍNH LÝ HÓA

- | | | |
|-----|---|-------------------------------|
| 9.1 | Thông tin về các đặc tính lý hóa cơ bản | |
| | Ngoại quan | Chất lỏng. |
| | Màu sắc | Hỗ phách. |
| | Mùi | Nhẹ. |
| | Ngưỡng mùi (ppm) | Không được xác định. |
| | pH (Giá trị) | 7,1-7,3 |
| | Điểm nóng chảy (°C) / Điểm đóng băng (°C) | Tương tự nước, khoảng 0°C. |
| | Điểm sôi/khoảng sôi (°C): | Tương tự nước, khoảng 100°C. |
| | Điểm bắt cháy (°C) | Không áp dụng. |
| | Tốc độ bay hơi (BA = 1) | Không được xác định. |
| | Khả năng cháy (rắn, khí) | Không áp dụng. |
| | Các khoảng giới hạn nổ | Không áp dụng. |
| | Áp suất hơi (mm Hg) | Tương tự nước, khoảng 23 hPa. |
| | Mật độ hơi (Không khí=1) | Không được xác định. |
| | Mật độ (g/ml) | ~ 1 |
| | Khả năng tan (Nước) | Tan hoàn toàn trong nước. |
| | Khả năng tan (Dung môi khác) | Không được xác định. |
| | Hệ số phân bố (n-Octanol/nước) | Không được xác định. |
| | Nhiệt độ tự bốc cháy (°C) | Không được xác định. |
| | Nhiệt độ phân hủy (°C) | Không được xác định. |
| | Độ nhớt (mPa.s) | Không được xác định. |

BẢNG CHỈ DẪN AN TOÀN HÓA CHẤT

Theo Quy định (EC) số 1907/2006 (REACH), Phụ lục II

Đặc tính nổ	Không nổ.
Đặc tính ôxi hóa	Không ôxi hóa.
9.2 Thông tin khác	Không có thông tin.

PHẦN 10: TÍNH ỔN ĐỊNH VÀ KHẢ NĂNG PHẢN ỨNG

10.1 Khả năng phản ứng	Không được biết.
10.2 Tính ổn định hóa học	Sản phẩm ổn định theo các điều kiện bảo quản được khuyến nghị.
10.3 Khả năng xảy ra các phản ứng nguy hiểm	Không xảy ra polyme hóa nguy hiểm.
10.4 Điều kiện cần tránh	Không có.
10.5 Vật liệu không tương thích	Không được biết.
10.6 (Các) sản phẩm phân hủy nguy hiểm	Không được biết.

PHẦN 11: THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

11.1 Thông tin về các ảnh hưởng độc tính	
11.1.2 Hỗn hợp	
Độc tính cấp tính	Căn cứ theo dữ liệu có sẵn, không đáp ứng tiêu chí phân loại.
Ăn mòn/kích ứng da	Căn cứ theo dữ liệu có sẵn, không đáp ứng tiêu chí phân loại.
Tổn hại/kích ứng mắt nghiêm trọng	Căn cứ theo dữ liệu có sẵn, không đáp ứng tiêu chí phân loại.
Nhạy cảm hô hấp/da	Căn cứ theo dữ liệu có sẵn, không đáp ứng tiêu chí phân loại.
Đột biến tế bào mầm	Căn cứ theo dữ liệu có sẵn, không đáp ứng tiêu chí phân loại.
Khả năng gây ung thư	Căn cứ theo dữ liệu có sẵn, không đáp ứng tiêu chí phân loại.
Độc tính sinh sản	Căn cứ theo dữ liệu có sẵn, không đáp ứng tiêu chí phân loại.
STOT-phơi nhiễm đơn lẻ	Căn cứ theo dữ liệu có sẵn, không đáp ứng tiêu chí phân loại.
STOT-phơi nhiễm lặp lại	Căn cứ theo dữ liệu có sẵn, không đáp ứng tiêu chí phân loại.
Nguy hại hô hấp	Căn cứ theo dữ liệu có sẵn, không đáp ứng tiêu chí phân loại.
Các ảnh hưởng và triệu chứng đối với sức khỏe	
Tiếp xúc với da	Không có các ảnh hưởng nguy hại đáng kể theo dự đoán.
Tiếp xúc với mắt	Không có các ảnh hưởng nguy hại đáng kể theo dự đoán.
Nuốt phải	Không có các ảnh hưởng nguy hại đáng kể theo dự đoán.
11.2 Thông tin khác	Không áp dụng.

PHẦN 12: THÔNG TIN SINH THÁI HỌC

12.1 Độc tính	Sản phẩm không chứa khối lượng đáng kể các thành phần gây độc hại môi trường.
12.2 Độ bền và khả năng phân hủy	Sản phẩm dễ phân hủy sinh học.
12.3 Khả năng tích lũy sinh học	Không được dự đoán.
12.4 Tính lưu động trong đất	Sản phẩm được dự đoán có tính lưu động trong đất cao.
12.5 Kết quả đánh giá PBT và vPvB	Không áp dụng.
12.6 Các ảnh hưởng tiêu cực khác	Không áp dụng.

BẢNG CHỈ DẪN AN TOÀN HÓA CHẤT

Theo Quy định (EC) số 1907/2006 (REACH), Phụ lục II

PHẦN 13: CÁC LƯU Ý TIÊU HỦY

13.1 Các biện pháp xử lý chất thải

Sản phẩm:

Tiêu hủy chất thải tiềm ẩn nguy hiểm sinh học và tuân thủ các quy định chống ô nhiễm cũng như luật pháp khác của quốc gia sở tại. Để đảm bảo tuân thủ chúng tôi khuyến nghị bạn nên liên hệ với cơ quan hữu quan (địa phương) và/hoặc công ty xử lý chất thải được phê duyệt để biết thêm thông tin.

Danh mục chất thải châu Âu:

18 01 03.

Bao bì:

Công tác tiêu hủy cần tuân thủ theo luật định của địa phương, tiểu bang hoặc quốc gia.

Phải tiêu hủy bao bì nhiễm bẩn theo cách thức giống như áp dụng cho sản phẩm.

Có thể tái chế vật liệu bao bì không bị nhiễm bẩn. Hãy liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ tại địa phương để biết thêm thông tin.

PHẦN 14: THÔNG TIN VẬN CHUYỂN

14.1 Mã số LHQ

Không áp dụng

14.2 Nhãn vận chuyển hợp lệ của LHQ

Không áp dụng

14.3 (Các) loại nguy hại khi vận chuyển

Không được phân loại là nguy hiểm khi vận chuyển.

14.4 Nhóm đóng gói

Không áp dụng

14.5 Nguy hại đối với môi trường

Không áp dụng

14.6 Biện pháp phòng ngừa đặc biệt cho người dùng

Không áp dụng

14.7 Vận chuyển số lượng lớn theo Phụ lục II
MARPOL73/78 và Bộ luật IBC

Không áp dụng

PHẦN 15: THÔNG TIN QUY ĐỊNH

15.1 Các quy định/pháp luật về an toàn, sức khỏe và môi trường cụ thể cho hóa chất hoặc hỗn hợp

Chỉ thị 98/79/EC về thiết bị y tế chẩn đoán trong ống nghiệm.

15.2 Đánh giá an toàn hóa chất

Không áp dụng.

PHẦN 16: THÔNG TIN KHÁC

CHÚ THÍCH

STOT Độc tính cơ quan đích cụ thể

Tài liệu tham khảo:

Bảng chỉ dẫn an toàn hóa chất cho vật liệu thô.

Thông tin bổ sung

Người lập: Tiến sĩ J. J. Tobin, ChemHaz Solutions, Email: info@chemhazsolutions.com

Theo sự hiểu biết tốt nhất của chúng tôi, thông tin trong tài liệu này là hoàn toàn chính xác. Tuy nhiên, nhà cung cấp có tên trên đây hoặc các công ty con của nhà cung cấp không chịu trách nhiệm về tính chính xác hoặc hoàn chỉnh của thông tin được trình bày trong tài liệu này. Việc xác định sự phù hợp cuối cùng của vật liệu là trách nhiệm của người dùng. Mọi vật liệu đều có thể có những nguy hại chưa được biết đến và cần phải sử dụng thận trọng. Mặc dù các nguy hại nhất định đã được mô tả trong tài liệu này, chúng tôi không thể đảm bảo đây là những nguy hại duy nhất tồn tại.